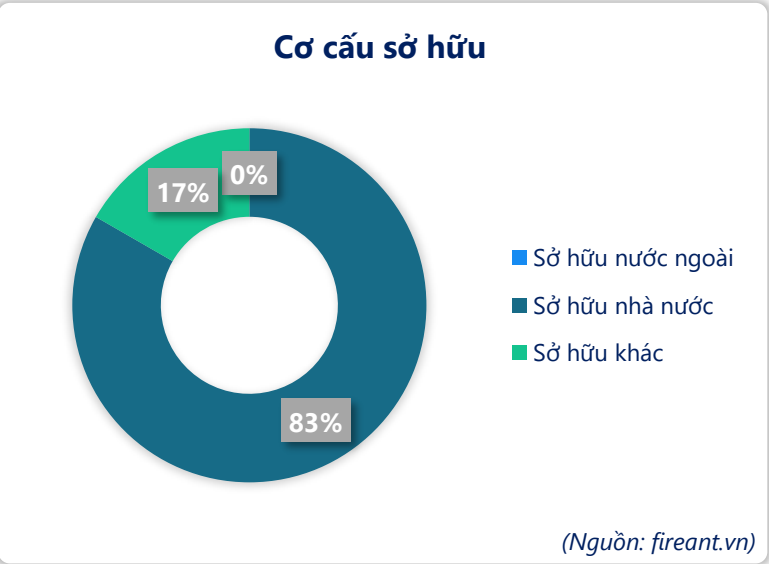
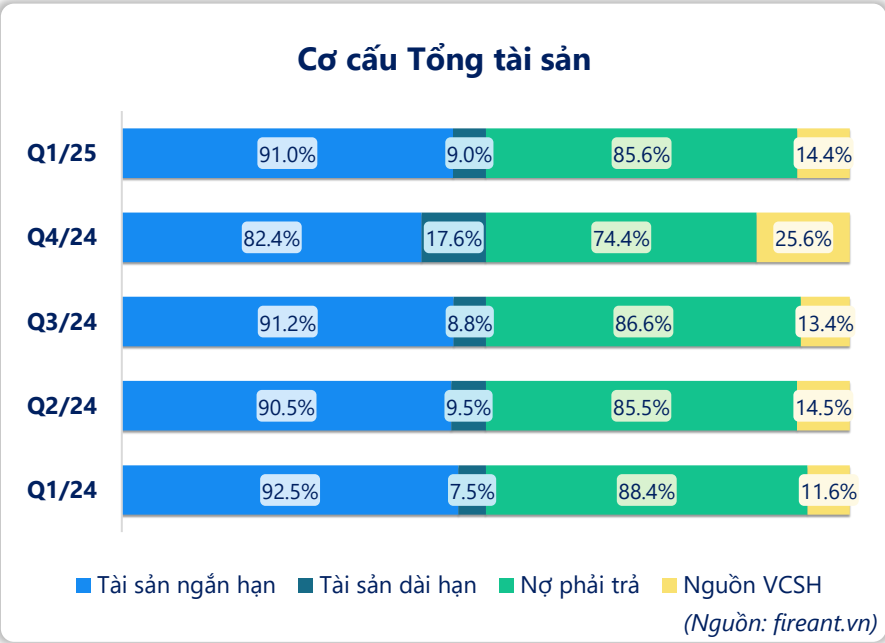
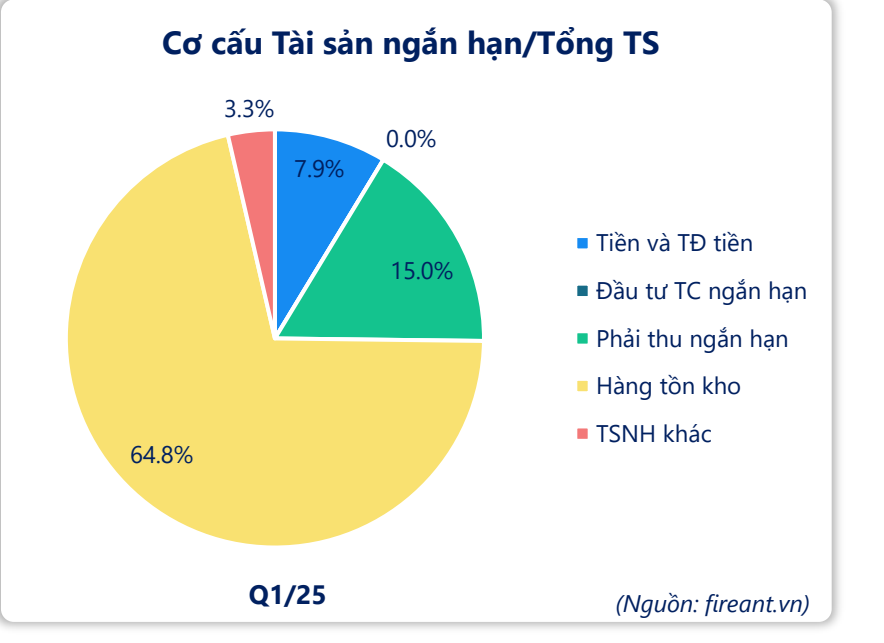
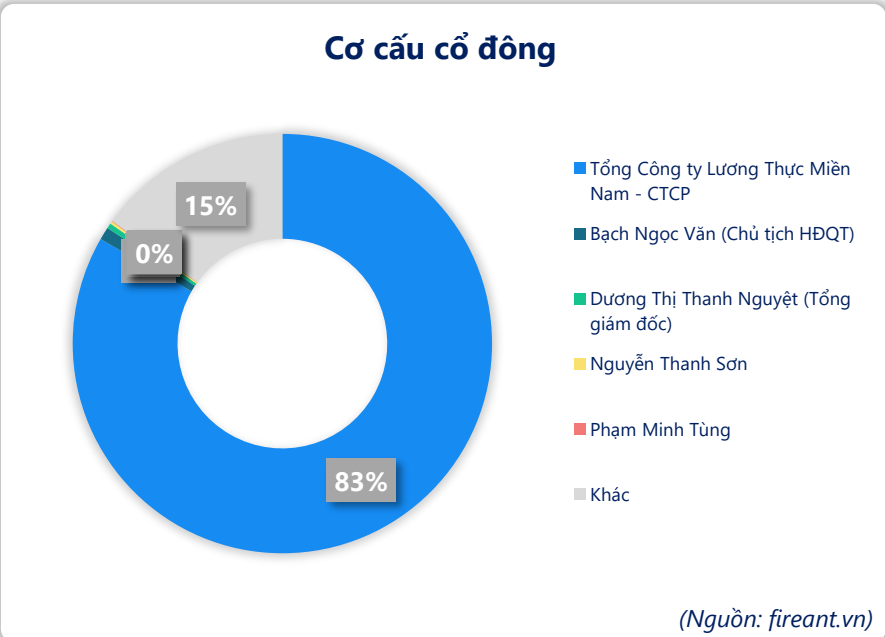
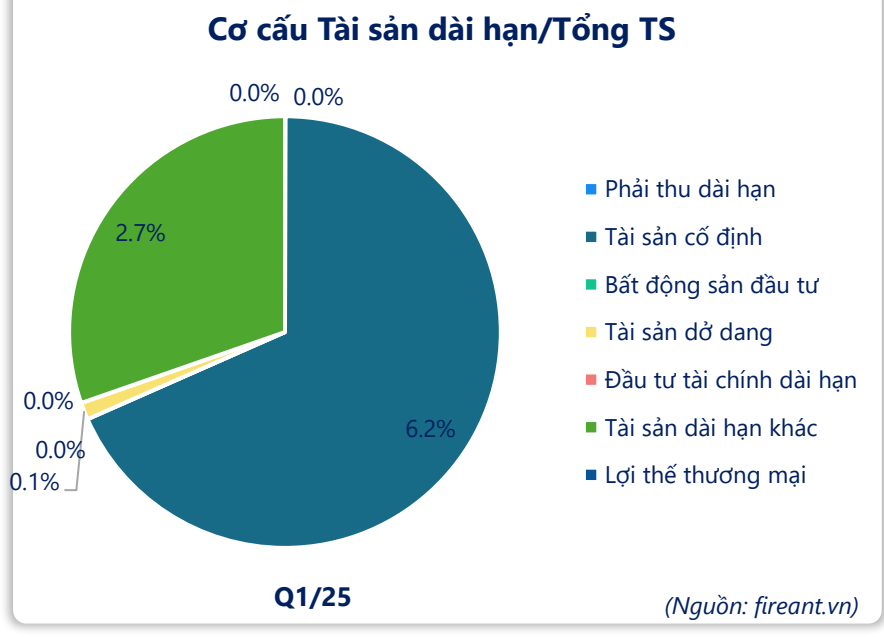
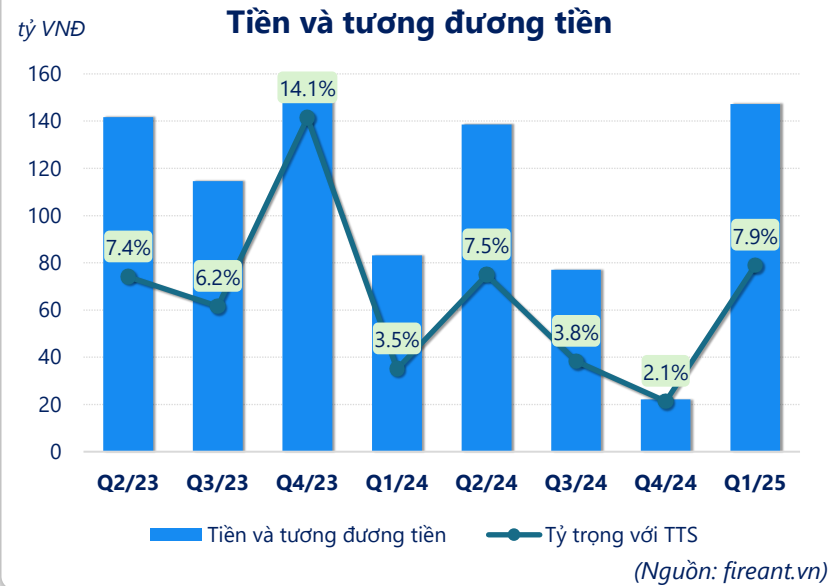
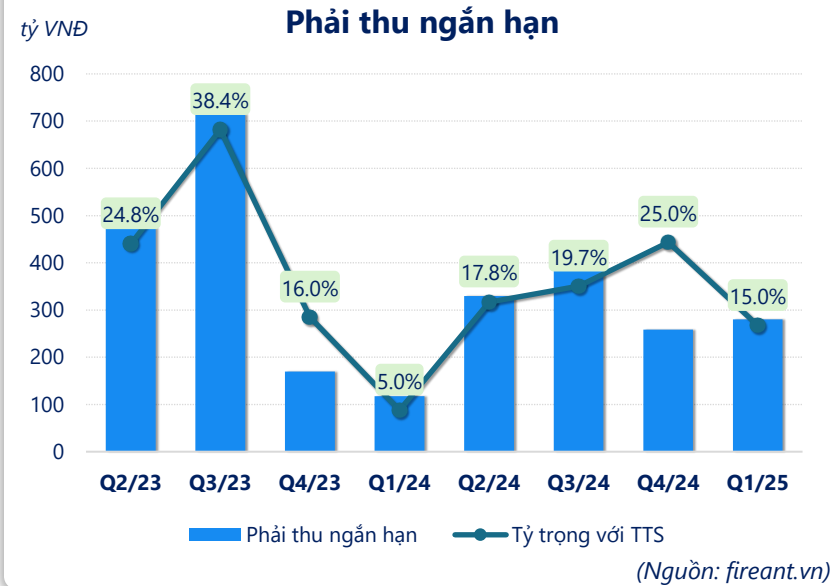
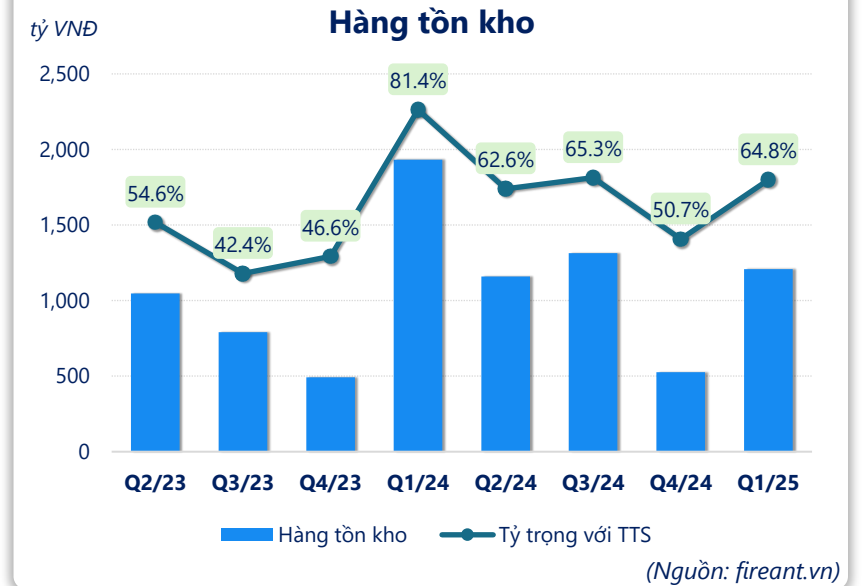
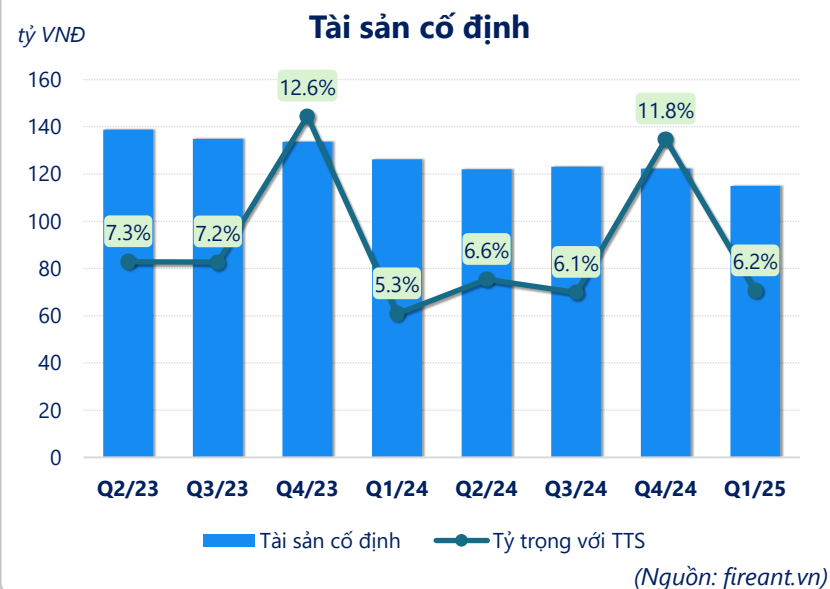
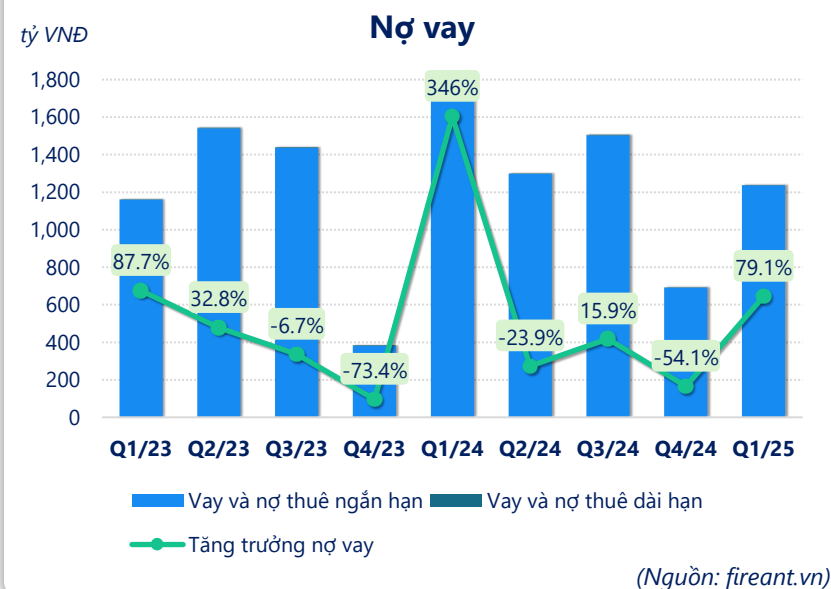
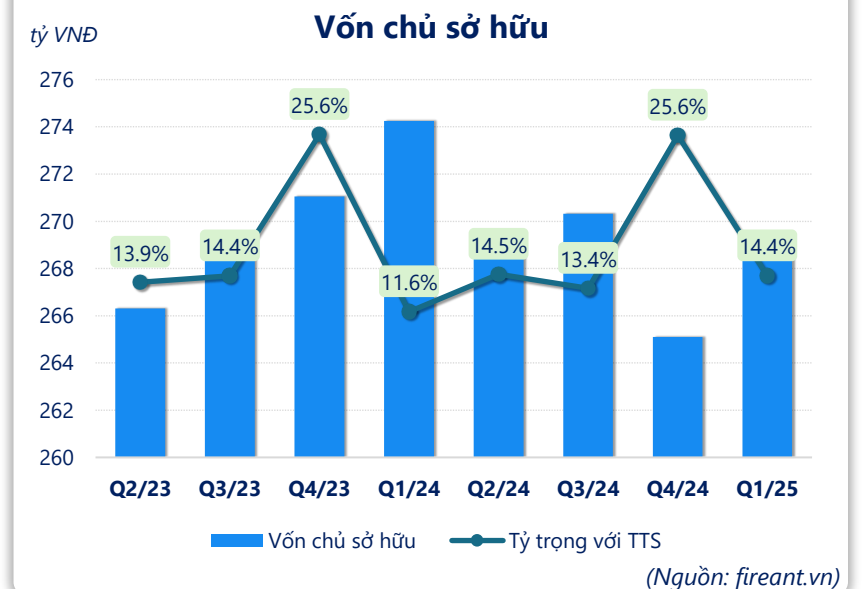
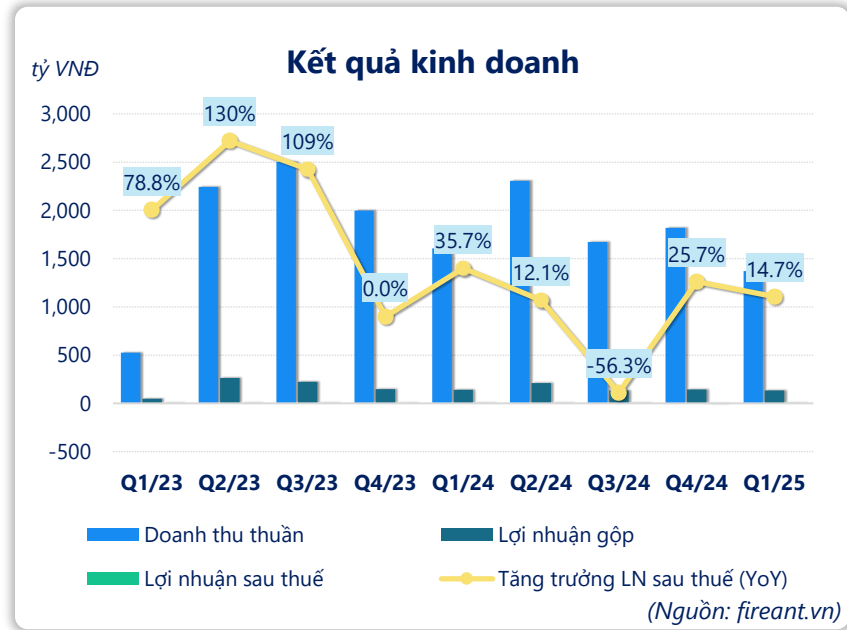
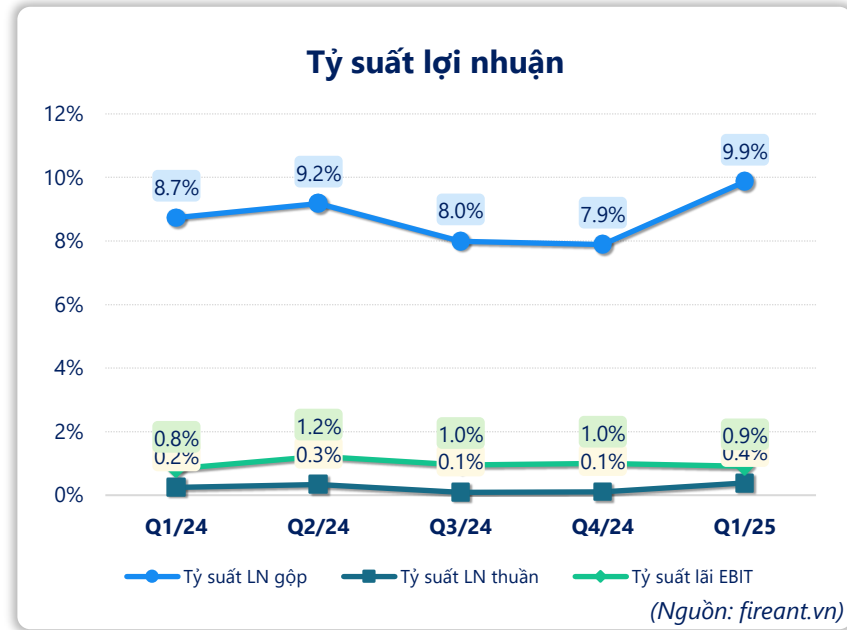
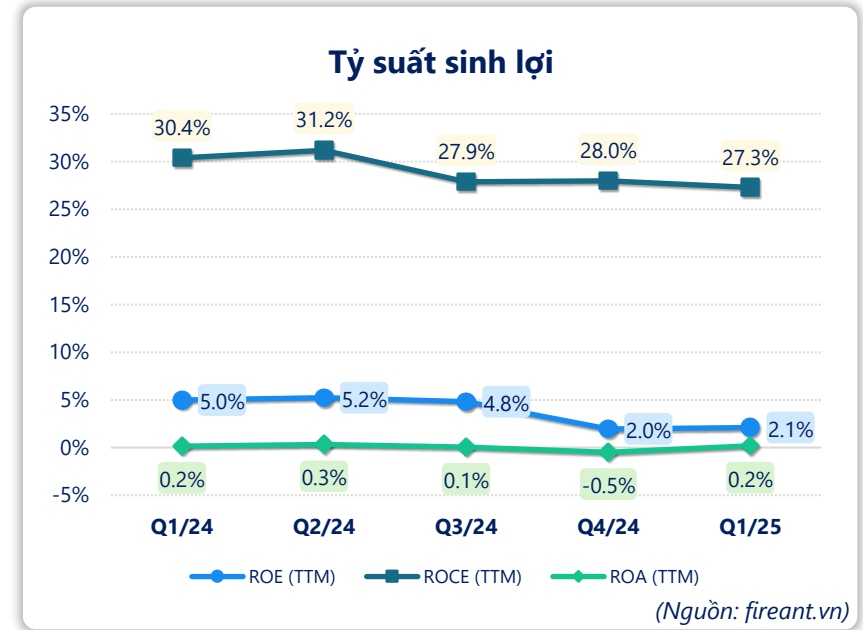
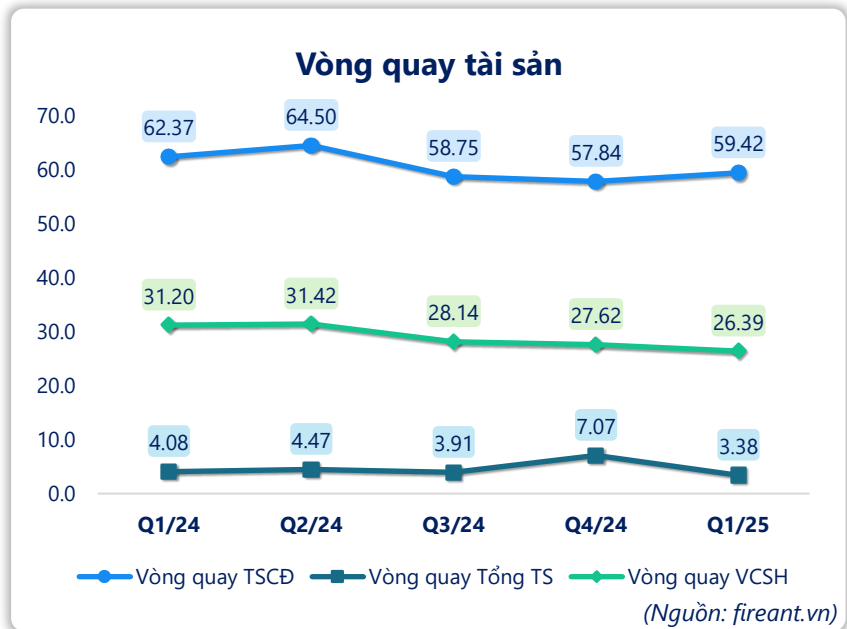
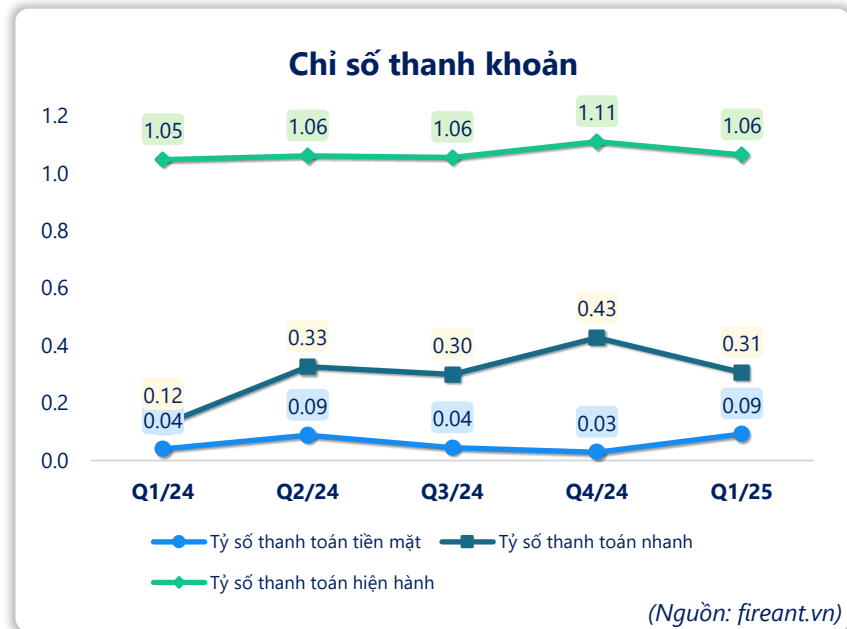
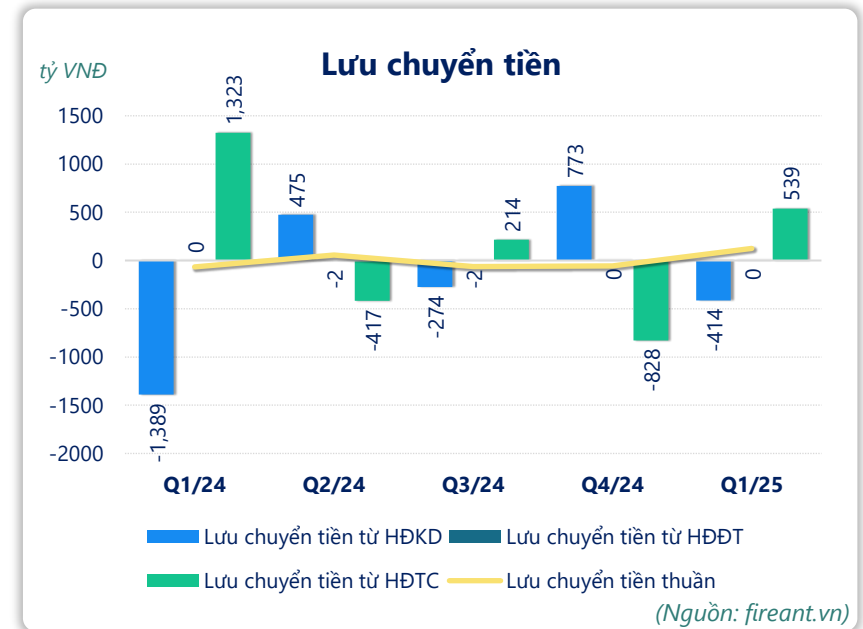


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,400
SL cổ phiếu LH		25,430,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		14,660
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		163
P/E		28.5
EPS		224

	YTD	1T	3T	6T
KGM	-8.6%	-5.9%	-9.9%	-15.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,864	1,036	79.9%
Tài sản ngắn hạn	1,696	854	98.6%
Tiền và tương đương tiền	147	22.1	566%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	280	259	8.3%
Hàng tồn kho	1,207	525	130%
Tài sản ngắn hạn khác	61.4	48.1	27.7%
Tài sản dài hạn	168	182	-7.7%
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản cố định	115	122	-5.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.15	2.15	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	51.1	57.9	-11.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,595	771	107%
Nợ ngắn hạn	1,594	769	107%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,237	690	79.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.0	19.2	24.7%
Nợ dài hạn	1.85	1.85	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.85	1.85	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	269	265	1.4%
Vốn chủ sở hữu	269	265	1.4%
Vốn điều lệ	254	254	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1,607	2,306	1,672	1,818	1,370
Giá vốn hàng bán	1,467	2,094	1,538	1,675	1,235
Lợi nhuận gộp	140	212	134	143	135
Doanh thu HĐTC	12.8	17.6	9.72	11.0	11.1
Chi phí TC	13.0	25.8	17.0	41.5	18.4
Chi phí lãi vay	9.43	20.6	14.5	15.9	7.93
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	126	179	106	89.9	115
Chi phí QLDN	9.77	17.2	18.3	21.2	8.05
LN thuần từ HĐKD	4.01	7.67	1.51	1.88	5.30
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.10	0.00	0.31	-0.73
LN trước thuế	3.99	7.57	1.51	2.19	4.58
Lợi nhuận sau thuế	3.19	6.05	1.21	-5.22	3.66
LNST của CĐ cty mẹ	3.19	6.05	1.21	-5.22	3.66

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,389	475	-274	773	-414
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	-2.06	-1.97	-0.37	-0.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,323	-417	214	-828	539
Tiền đầu kỳ	149	83.1	139	77.1	22.1
Lưu chuyển tiền thuần	-66.4	55.5	-61.5	-55.0	125
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	-0.03	-0.02	0.02	-0.05
Tiền cuối kỳ	83.1	139	77.1	22.1	147

(Nguồn: fireant.vn)